

Bản án số: **36/2019/HS-ST**

Ngày: 05/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trúc Việt**.

2/ Ông **Phan Thanh Long**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn K (S), sinh năm 1987; tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T (đã ly hôn năm 2014), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 06/01/2011;

- Năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 21/10/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trương Tuấn M, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến

Tre. (vắng mặt)

+ Ông Phạm Hoàng C, sinh năm 1966; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 13/11/2018, Lê Văn K điều khiển xe mô tô biển số 71B3-102.59 đến Trung tâm y tế huyện Châu Thành – Cơ sở Hàm Long tại ấp Chánh, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành để khám sức khỏe xin việc làm thì gặp bà Lê Thị Đ đang mở cốp xe mô tô biển số 71B3-072.73 lấy giấy tờ trong ví cầm tay rồi để ví lại trong cốp, K nghĩ trong đó có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc bà Đ đi vào bên trong khám bệnh, K dẫn xe của bà Đ ra một góc sân trong khuôn viên bệnh viện nhằm che khuất tầm nhìn của mọi người rồi đi vào bên trong khám sức khỏe. Đến khoảng 10 giờ 40 phút, sau khi trở ra K thấy xe bà Đ vẫn còn nên đi lại dùng tay kéo yên xe lên thò tay vào bên trong lấy cái ví của bà Đ rồi cất giấu trong người, sau đó lấy xe ra về.

Đi được một đoạn đến khu vực thuộc ấp Tiên Tây Thượng, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, K dừng xe lại mở ví ra lấy 2.870.000 đồng và 02 chiếc nhẫn. K tưởng bên trong không còn tài sản có giá trị nên vứt bỏ cái ví ven đường, sau đó chạy xe về nhà lấy 450.000 đồng tiêu xài hết, còn lại K đem cất giấu. Sau khi phát hiện tài sản bị mất, bà Lê Thị Đ trình báo Công an xã Tiên Thủy, Công an huyện Châu Thành.

Qua làm việc Lê Văn K đã thừa nhận hành vi trộm cắp trên và giao nộp lại số tài sản đã lấy cắp gồm: số tiền 2.870.000 đồng; 02 nhẫn đeo tay, đồng thời chỉ dẫn Công an huyện Châu Thành truy tìm và thu giữ cái ví K vứt bỏ bên đường, qua kiểm tra bên trong còn thu giữ 01 đôi bông tai và 03 thẻ ATM, 02 phiếu hẹn khám bệnh, 01 giấy bảo hiểm xe, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Lê Thị Đ.

Ngày 09/01/2019 Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: 02 nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng là 11,2538 gram là vàng 24K; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (phần tròn ten khối lượng 1,2696 gram là vàng 15K; phần khoen tai và khóa có khối lượng 0,9546 là hợp kim đồng-kẽm không phải vàng).

Bản kết luận định giá số 498/KL-HĐĐG ngày 08/5/2019 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận 02 chiếc nhẫn đeo tay giá trị 10.467.000 đồng; 01 đôi bông tai: Phần khoen và khóa chưa quy đổi ra kara nên không xác định giá trị, tròn ten giá trị 695.064 đồng; 01 chiếc ví bằng nhựa sọc trắng đen giá trị 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.172.064 đồng.

Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bị cáo K 01 xe mô tô biển số 71B3-102.59 cùng giấy tờ xe tên Lê Văn K; trả cho bà Lê Thị Đ 02 chiếc nhẫn đeo tay, 01 đôi bông tai, 01 chiếc ví bằng nhựa sọc trắng đen, 03 thẻ ATM, 02 phiếu

hẹn khám bệnh, 01 giấy bảo hiểm xe, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Lê Thị Đ. Hiện bị hại Lê Thị Đ đã nhận lại toàn bộ số tài sản đã mất và có đơn xin bãi nại cho K.

Cáo trạng số 37/CT-VKSCT ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Lê Văn K về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 01 năm đến 02 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

- Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bị cáo K 01 xe mô tô biển số 71B3-102.59 cùng giấy tờ xe tên Lê Văn K.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa do sự vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng việc xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ 04 phút, ngày 13/11/2018 tại Trung tâm y tế huyện Châu Thành – Cơ sở Hàm Long thuộc ấp Chánh, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Văn K có hành vi lén lút lấy trộm 2.870.000 đồng; 02 chiếc nhẫn đeo tay, 01 đôi bông tai, 01 chiếc ví bằng nhựa sọc trắng đen, cùng các giấy tờ tùy thân của bà Lê Thị Đ.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách

nhiệm hình sự đầy đủ. Bản kết luận định giá số 498/KL-HĐĐG ngày 08/5/2019 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận: 02 chiếc nhẫn đeo tay; 01 đôi bông tay phần tồn ten có tổng giá trị tài sản là 11.172.064 đồng. Tổng giá trị tiền mặt và tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Đ là 14.042.064 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn K đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, vào các năm 2010, 2012, bị cáo bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Điều này cho thấy bản tính chạy lười lao động, xem thường pháp luật của bị cáo. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị có tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại, cậu là liệt sĩ, cha tham gia chiến trường Campuchia được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng với nhân thân của bị cáo cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nhận bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

- Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bị cáo K 01 xe mô tô biển số 71B3-102.59 cùng giấy tờ xe tên Lê Văn K xong nên không xét đến.

- Bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cho bị cáo mượn để bồi thường cho bà Lê Thị Đ nên ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K (S) phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê Văn K (S) **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và nhận bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bị cáo K 01 xe mô tô biển số 71B3-102.59 cùng giấy tờ xe tên Lê Văn K.

- Ghi nhận bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cho bị cáo mượn để bồi thường cho bà Lê Thị Đ.

[3] Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. T (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tông